TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QO** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 60/2020/QĐST-DS	*QO, ngày 18 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 77/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268, đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nhật P - Nhân viên ngân hàng TMCP S theo Giấy ủy quyền số 2355/2018/UQ-TTT ngày 10/4/2020.

Bị đơn: Ông Đỗ Lai B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn NT, xã NM, huyện QO, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Đỗ Lai B xác nhận ngày 11/06/2012 hai bên đã ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với hạn mức sử dụng là 80.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngân hàng đã cấp Thẻ tín dụng số 970403 - 3963 cho ông Đỗ Lai B.

2.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Đỗ Lai B xác nhận tính đến ngày 10/12/2020, ông B còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 433.791.821 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 93.489.677 đồng (Chín mươi ba triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng).

+ Lãi quá hạn: 340.302.144 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu đồng ba trăm linh hai nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng).

2.3. Ngân hàng Thương mại cổ phần S và ông Đỗ Lai B cùng thống nhất P án trả nợ như sau:

Ông Đỗ Lai B có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 433.791.821 đồng (Bốn trăm ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng) theo 06 đợt như sau:

+ Đợt 1: Trước ngày 15/02/2021, ông Đỗ Lai B thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

+ Đợt 2: Trước ngày 15/3/2021, ông Đỗ Lai B thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

+ Đợt 3: Trước ngày 15/4/2021, ông Đỗ Lai B thanh toán trả Ngân hàn Thương mại cổ phần S số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

+ Đợt 4: Trước ngày 15/5/2021, ông Đỗ Lai B thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

+ Đợt 5: Trước ngày 15/6/2021, ông Đỗ Lai B thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

+ Đợt 6: Trước ngày 15/7/2021, ông Đỗ Lai B thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 83,791,821 đồng (Tám mươi ba triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 11/12/2020 theo lãi suất trong Hợp đồng hai bên đã thỏa thuận.

2.4. Nếu ông Đỗ Lai B vi phạm bất kỳ đợt trả nợ nào thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền ông Đỗ Lai B còn phải thanh toán trả nợ.

2.5. Ông Đỗ Lai B tiếp tục phải trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền lãi tính từ ngày 11/12/2020 trên số dư nợ gốc, theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều

khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì lãi suất mà ông B phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2.6. Về án phí: : Ông Đỗ Lai B chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 10.675.000 đồng (Mười triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí. Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.770.000 đồng (Tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số AA/2016/0011317 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QO.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện QO;
- Chi cục THADS huyện QO;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy